

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1572/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:..... 7423..... Ngày:..... 09/09.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 58/TTr-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 76 liệt sĩ thuộc Đường sắt Việt Nam và 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Hải Dương, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Bình, Sóc Trăng, Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

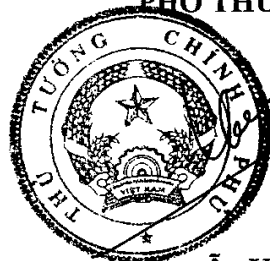
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: PCN Phạm Việt Muôn,
Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (9 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BĂNG TÓ QUỐC GHI CÔNG"
(Kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)



ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

1. Liệt sĩ: Phan Văn Thìn

Công nhân Đội Đường sắt phía Nam, Nguyên quán: Xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 08 năm 1965.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Lạc

Thương binh 2/4 (tỷ lệ 61%), Nguyên quán: thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 03 năm 2013.

TỈNH HÀ TĨNH

3. Liệt sĩ: Ngô Đức Diễn

Đảng viên Đảng Tân Việt, Nguyên quán: thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 08 tháng 4 năm 1930.

TỈNH HẢI DƯƠNG

4. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Liêm

Du kích xã, Nguyên quán: xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1949.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

5. Liệt sĩ: Huỳnh Viết Tuấn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Trú quán: Đa Phước, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1986.

6. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thành

Ủy viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1971.

TỈNH NGHỆ AN

7. Liệt sĩ: Trần Hữu Thắng

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968.

8. Liệt sĩ: Đặng Quang Minh

Dân công huyện Diễn Châu, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1973.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Sĩ Nghĩa (Hò)

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1973.

10. Liệt sĩ: Nguyễn Cư Thế

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1969.

11. Liệt sĩ: Trần Xuân Phụng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Kim Huy

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1966.

13. Liệt sĩ: Trần Xuân Nguyên

Trung đội phó, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1971.

14. Liệt sĩ: Ngô Khắc Cầu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967.

15. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thìn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970.

16. Liệt sĩ: Cao Như Ngôn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967.

17. Liệt sĩ: Thái Văn Lâm

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1968.

18. Liệt sĩ: Đặng Thị Lan

Tiểu đội phó TNXP Đội Cù Chính Lan, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968.

19. Liệt sĩ: Cao Đăng Cát

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968.

20. Liệt sĩ: Cao Tiến Xinh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968.

21. Liệt sĩ: Cao Hồng Te

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1968.

22. Liệt sĩ: Cao Hữu Trương

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1966.

23. Liệt sĩ: Hoàng Miễn (tức Việt)

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1967.

24. Liệt sĩ: Phan Đức Huyền

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1967.

25. Liệt sĩ: Võ Công Hoan

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1968.

26. Liệt sĩ: Võ Văn Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968.

27. Liệt sĩ: Đậu Như Quỳnh

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972.

28. Liệt sĩ: Võ Khắc Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Huệ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thanh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 02 năm 1968.

30. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Dũng

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Dinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 3 năm 1967.

31. Liệt sĩ: Hoàng Văn Kỳ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966.

32. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Thốc

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, Diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1967.

33. Liệt sĩ: Bùi Văn Dàn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kim, Diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Cầu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968.

35. Liệt sĩ: Hồ Văn Cứu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966.

36. Liệt sĩ: Trần Xuân Kỳ

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1974.

37. Liệt sĩ: Đào Hồng Quế (Quân)

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967.

38. Liệt sĩ: Lê Đình Trương

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1970.

39. Liệt sĩ: Tạ Hồng Hải

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966.

40. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Nhu

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1969.

41. Liệt sĩ: Nguyễn Hồng Toàn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Viên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1966.

42. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Thước

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1968.

43. Liệt sĩ: Nguyễn Sơn

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967.

44. Liệt sĩ: Bùi Nhật Cương

Chén sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1968.

45. Liệt sĩ: Ngô Sỹ Liên

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ an, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1973.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phát

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1966.

47. Liệt sĩ: Cao Tiến Dũng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1982.

48. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thiều

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 02 năm 1984.

49. Liệt sĩ: Đỗ Văn Thứ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lợi, huyện Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 7 năm 1968.

50. Liệt sĩ: Lê Văn Đạm

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967.

51. Liệt sĩ: Phan Hữu Mai

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968.

52. Liệt sĩ: Đậu Ngọc Quế

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1979.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Ty

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973.

54. Liệt sĩ: Đậu Xuân Khai

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1972

55. Liệt sĩ: Phan Xuân Thâm

Chính trị viên đại đội, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1974.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Anh Thới

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1967.

57. Liệt sĩ: Cao Văn Trù

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1968.

58. Liệt sĩ: Hoàng Sỹ Châu

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 01 năm 1979.

59. Liệt sĩ: Đậu Công Trứ

Phân đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tiên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1969.

60. Liệt sĩ: Cao Thị Cương

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1967.

61. Liệt sĩ: Cao Trọng Hời

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1967.

62. Liệt sĩ: Trần Chí Tiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1970.

63. Liệt sĩ: Cao Xuân Tùng

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1968.

64. Liệt sĩ: Cao Khắc Quế

Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 01 năm 1953.

65. Liệt sĩ: Đậu Kim Luyện

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 04 năm 1968.

66. Liệt sĩ: Lê Văn Nam

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968.

67. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Minh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 09 năm 1967.

68. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Thảo

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ A, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1971.

69. Liệt sĩ: Ngô Xuân Đào

Chính trị viên đại đội, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 01 năm 1969.

70. Liệt sĩ: Cao Sỹ Thập

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 02 năm 1969.

71. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Tịnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968.

72. Liệt sĩ: Đặng Minh Nga

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967.

TỈNH PHÚ THỌ

73. Liệt sĩ: Bùi Thìn

Cán bộ Huyện ủy Yên Lập, Nguyên quán: xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1950.

TỈNH QUẢNG BÌNH

74. Liệt sĩ: Nguyễn Viết Vạn

Thương binh 4/4 (tỷ lệ 31%), Nguyên quán: xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 2011.

TỈNH SÓC TRĂNG

75. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lợi

Thương binh $\frac{3}{4}$ (tỷ lệ 51%), Trú quán: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 2007.

TỈNH THANH HÓA

76. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quảng

Thương binh $\frac{3}{4}$ (34%), Nguyên quán: xã Hoảng Đạt, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 2012./.